Tu dien Pali-Viet - 06

Từ điển Pali–Việt

Tu dien Pali-Viet - 06

Trang gốc

Đọc với phông chữ Unicode VU Times

Tự điển Pali-Việt

Hòa thượng Bửu Chơn

- Ū -

ŪKĀ f. con chí, con rận.

ŪNA a. thiếu, nhỏ, còn cần đến, kém. -- ka a. thiếu kém.

ŪNATTA nt., ūnattā f. thiếu kém.

ŪMI f. làn sóng, sóng điện.

ŪRAṬṬHI nt. xương bắp vế.

ŪRU m. bắt vế. -- pabba nt. khớp xương đầu gối.

ŪSA m. chất mặn, chất muối. -- ra a. có chất mặn.

ŪHACCA abs. của ūhanati đã kéo ra, đã dời đi, dẹp đi.

ŪHADATI (u + had + a) cắt, bốc, bỏ xuống, lóng cặn, thải ra. aor. ūhadi.

ŪHANA nt. suy nghĩ, cân nhắc, chất đống, tích trữ.

ŪHANATI (u + han + a) kéo ra, dời đi. aor. ūhani.

ŪHĀ f. sự quan sát, lưu tâm suy xét.

-ooOoo-

A

Ā

I

Ī

U

Ū

E

O

K

Kh

G

Gh

C

Ch

J

Jh

Ñ

Ṭ

Ḍ

T

Th

D

Dh

N

P

Ph

B

Bh

M

Y

R

L

V

S

H

, Pali-English !(`

! 8/CENTER>-
0
0
! 4P ALIGn="ceotmr"> MC |

(
`

0 Pali-Englisi @ictionary 8/A>
$ Trδ về!trang Thư"Mủc =/Q> (last"updated: 15-04-2003 >/font &nbqp;
$ Chân thà.h cám ơo Pỳ kheo Tăng ĐịNh, đạo"hữu NH và TNM đã hỗ trợ công tác vi tính (Bình Anson, 04-2003)

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.